

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 229/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 11 - 2019

V/v “*Tranh chấp không
công nhận quan hệ vợ chồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Vũ;
2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2019/TLVA-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 276/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Danh H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố C.

Bị đơn: Bà Lê Thu H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố C.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai ghi nhận được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Danh H trình bày: Vào năm 1990 do quen biết thì ông và bà Lê Thu H tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, ông H và bà H chung

sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bà H đã bỏ đi và không đồng ý sống chung với ông H, ông và bà H đã sống ly thân cách nay đã 10 năm. Do thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên ông H yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà H.

Về con chung: Ông H và bà H có 02 con chung là Danh N (nam), sinh ngày 19/5/1992 đã trưởng thành và Danh Nh (nam), sinh ngày 23/5/2003, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và các lời khai ghi nhận được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thu H trình bày: Bà H thống nhất lời khai của ông Danh H về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: Đồng ý giao con chung chưa thành niên Danh Nh cho ông H nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Ông Danh H và bà Lê Thu H, tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay các đương sự phát sinh tranh chấp nên xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*”, quan hệ tranh chấp này thuộc sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1990, ông Danh H và bà Lê Thu H tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau này, ông H và bà H phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bà H tự ý bỏ đi không đồng ý chung sống với ông H, thực tế ông H và bà H đã sống ly thân cách nay đã 10 năm. Xét mối quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là không làm phát sinh

quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Ông H và bà H đều thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa họ. Do đó, phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các ông H và bà H là phù hợp.

- Về vấn đề con chung: Đối với con chung Danh N (nam) sinh ngày 19/5/1992 đã trưởng thành, nên không xem xét; Ông Danh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Danh Nh(nam) sinh ngày 23/5/2003, bà H đồng ý giao cháu Nh cho ông H nuôi dưỡng, bản thân cháu Nh cũng có nguyện vọng được chung sống cùng với ông H. Do đó, giao cháu Nh cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H là không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà H không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 14; Điều 15; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh H đối với bà Lê Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Danh H và anh Lê Thu H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Danh Nh (nam) sinh ngày 23/5/2003 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông H không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà H không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Ông H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 012797 ngày 18/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Danh H và bà Lê Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nơi nhân:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Phạm Quốc Kiệt